

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số 04 / 2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Hòa và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên, TAND thị xã Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố 5, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên Tòa.

Bị đơn: Anh Lê Nhật T, sinh 1978; địa chỉ: Khu Phố 5, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021, biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị Trần Thị L và anh Lê Nhật T kết hôn vào năm 2005, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung nhà mẹ chị Trần Thị L, tại khu phố 5, phường 2, thị xã Q. Trong thời gian đầu từ khi kết hôn đến năm 2010, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2011, vợ chồng sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh T ăn nhậu về chửi bới, xúc phạm vợ con, phá đồ đạc trong nhà suốt đêm không cho ai ngủ được nên vợ chồng thường xích mích, cãi vã lẫn nhau. Chị L nói lại thì anh T đánh đập gây bầm tím thân thể. Bản thân chị là người vợ tay yếu chân mềm, sống không có tình yêu thương, tôn trọng của người chồng thì rất khổ tâm và thiếu lòng

tin. Anh T đi làm có thu nhập hàng tháng nhưng giữ tiền không trang trải cuộc sống gia đình con cái. Cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng nặng nề về tinh thần và vật chất; chị L cố gắng động viên, giải hòa để chăm lo cho các con khôn lớn. Nhưng diễn biến cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không cải thiện, không thể hàn gắn được nữa. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nên từ tháng 02/2021, chị Trần Thị L phải thuê nhà ở riêng chỗ khác và đi làm kiếm tiền về mua sách vở, đóng học phí cho con. Mỗi lần chị L về nhà thì anh T không nói năng gì mà còn gây gổ, chửi bới chị một cách thậm tệ. Vợ chồng sống ly thân, không có quan hệ tình cảm gì nữa. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Nhật T.

-Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 21/02/2006, cháu Lê Nhật D, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Lê Nhật Q, sinh ngày 14/6/2011. Ly hôn, chị Trần Thị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật Q. Giao cho anh Lê Nhật T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Kim A và cháu Lê Nhật D; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật D hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2021, anh Lê Nhật T trình bày:

Cuộc sống vợ chồng không có xích mích chi nhiều; việc ai nấy làm, không có sự bàn bạc với nhau về công việc gia đình. Có khi chị L bỏ bữa cơm gia đình đi ăn cơm bụi, theo người tình đi thâu đêm. Nguyên nhân từ đó, ngày 30 tết nguyên đán, khoảng tháng 2/2021 chị Trần Thị L thuê nhà ở chỗ khác và có quan hệ tình cảm với một người đàn ông khác. Hiện nay, chị L lên chung sống với người đàn ông đó tại xã Mai Sơn, huyện ĐaKrông, tỉnh Quảng Trị, bỏ cha con anh ở nhà tự lo liệu cuộc sống gia đình quá vất vả, thậm chí không gửi tiền về nuôi con. Quá trình sống ly thân, vợ chồng không quan hệ tình cảm gì nữa. Hoàn cảnh gia đình anh thuộc hộ cận nghèo còn nhiều khó khăn nên cần có vợ, có chồng để làm ăn chăm lo cho con cái. Mặc dù chị Trần Thị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh T thông cảm bỏ qua, mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 21/02/2006, Lê Nhật D, sinh ngày 15/9/2008 và Lê Nhật Q, sinh ngày 14/6/2011. Hiện tại các cháu đang ở với anh T tại khu phố 5, phường 2, thị xã Q. Trường hợp ly hôn, anh Lê Nhật T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Kim A và cháu Lê Nhật D; giao cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nhật Q. Anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật D hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Trong quá trình, điều tra, hoà giải và chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Nhật T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp L nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và thư ký giúp việc cho Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ, như về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, giao cho đương sự và về thời hạn xét xử theo đúng quy định tại Điều 28, 35, 39, 68, 93-97, 195-196 và 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị L đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn ông Lê Nhật T không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về mặt tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Lê Nhật T.

2. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 và 116 Luật HNGĐ xử: Giao cháu Lê Hoàng Kim A và cháu Lê Nhật D cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nhật Q cho bà L nuôi dưỡng. Bà L cấp dưỡng nuôi cháu Duy 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Trần Thị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị L và anh Lê Nhật T có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Ngày 14/6/2021, chị Trần Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Lê Nhật T, cư trú tại: Khu phố 5, phường 2, thị xã Q và giải quyết việc nuôi con chung là quan hệ pháp luật “

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (Căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Q đã tiến tổng đạt hợp L thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Nhật T theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Lê Nhật T vẫn không đến Tòa án tham gia phiên họp; Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành xác minh thu thập nguồn chứng cứ khác và căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Anh Lê Nhật T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xích mích, cãi vã, đánh đập, đối xử với nhau thậm tệ dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân, không quan hệ tình cảm với nhau. Tòa án nhiều lần triệu tập anh T đến để hòa giải nhưng anh T không đến, chỉ có ý kiến trong biên bản ghi lời khai, chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị L yêu cầu xin ly hôn anh Lê Nhật T. Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L là có cơ sở, cần chấp nhận (Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 21/02/2006, Lê Nhật D, sinh ngày 15/9/2008 và Lê Nhật Q, sinh ngày 14/6/2011. Hiện tại các cháu đang ở với anh T tại khu phố 5, phường 2, thị xã Q. Trường hợp ly hôn, chị Trần Thị L và anh Lê Nhật T đều có nguyện vọng giao cháu Lê Nhật Q cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Hoàng Kim A và cháu Lê Nhật D cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật D hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của chị L, anh T cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Lê Hoàng Kim A và Lê Nhật D và cũng phù hợp với thực tế là các cháu Anh, Duy hiện đang ở với anh T cần chấp nhận (Căn cứ Điều 81, 82 Luật HNGĐ).

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51,56,58, 81, 82, 83, 107,110,116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Lê Nhật T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Nhật Q, sinh ngày 14/6/2011, cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 21/02/2006 và cháu Lê Nhật D, sinh ngày 15/9/2008, cho anh Lê Nhật T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị L cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật D mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 11/2021 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nói trên thì thi hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án; Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001568 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q. Chị Trần Thị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu Hà

HÄÜI ÄÄÖNG XEÏT XÆÍ SẢ THÁØM

Hôi thẩm nhân dân
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Khắc Hòa Nguyễn Thị Hoa

Mai Thị Thu Hà